

CÔNG TY CỔ PHẦN AN YÊN BẮC GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AN YÊN BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400873041

3. Ngày thành lập: 16/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 181, Phố Hoàng Hoa Thám, Thị Trấn Cầu Gồ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang,
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
2.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin	2100(Chính)
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn tân dược; - Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính... - Buôn bán thuốc thú y	4649
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá) Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Nhập khẩu thuốc thú y	8299
7.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
8.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
13.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
14.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
15.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
17.	Sản xuất chè	1076
18.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
19.	Sản xuất rượu vang	1102
20.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
21.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
23.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn dụng cụ, vật tư, thiết bị ngành chăn nuôi. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ các hoạt động đấu giá) Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

33.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo;	8230
40.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
41.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.	4929
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224

52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn;Biệt thự du lịch;Căn hộ du lịch;Tàu thủy lưu trú du lịch;Nhà nghỉ du lịch; Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời	4299
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

75.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4390
76.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Tư vấn quản lý dự án Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, tư vấn kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
77.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
78.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Hoạt động môi giới thương mại Hoạt động chuyên giao công nghệ Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ Tư vấn và dịch vụ khuyến nông	7490
79.	Trồng cây chè	0127
80.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
81.	Trồng cây lâu năm khác	0129
82.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
83.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
84.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
85.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
86.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
87.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
88.	Chăn nuôi gia cầm	0146

89.	Chăn nuôi khác	0149
90.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
91.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
92.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
93.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
94.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
95.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
96.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
97.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
98.	Sản xuất giày, dép	1520
99.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
100.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
101.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
102.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
104.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
105.	In ấn	1811
106.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
107.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
108.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
109.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
110.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
111.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
112.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
113.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
114.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
115.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3100
116.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
117.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
118.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
119.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

120.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
121.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản Quản lý Bất động sản Môi giới bất động sản	6820
122.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư Quản lý vận hành các dịch vụ đô thị	8110

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THẾ CUÔNG	Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	390.000	3.900.000.000	78,000	090790616	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	390.000	3.900.000.000	78,000		

2	NGUYỄN TRUNG KIÊN	698 Tôn Đức Thắng, Tổ dân phố Cầu Rẻo, Phường Bãi Bông, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	11,000	091071101	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	11,000		
3	TRẦN ĐỨC MINH	Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	11,000	091763140	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	11,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN THẾ CUỜNG** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**
 Sinh ngày: **16/12/1983** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
 Số giấy chứng thực cá nhân: **090790616**
 Ngày cấp: **08/07/2017** Nơi cấp: **Công an tỉnh Thái Nguyên**
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**
 Chỗ ở hiện tại: **Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang